

Số: 74 /QĐ - ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 06 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy định tổ chức đào tạo tiếng Anh
cho sinh viên không chuyên ngữ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP, ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg, ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 327/QĐ-ĐHNT, ngày 02/4/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành “Đề án nâng cao năng lực Tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ giai đoạn 2015 – 2020”;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định tổ chức đào tạo tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của Trường Đại học Nha Trang”.

Điều 2: Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ học kỳ 1, năm học 2016 - 2017. Các quy định trước đây trái với quy định này đều hủy bỏ.

Điều 3: Các ông/bà Trưởng đơn vị có liên quan và sinh viên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.



Trang Sĩ Trung



QUY ĐỊNH TỔ CHỨC ĐÀO TẠO TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN NGỮ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 74/QĐ-ĐHNT ngày 06 tháng 02 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

Điều 1: Phạm vi và đối tượng áp dụng

Văn bản này quy định tổ chức đào tạo tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của Trường Đại học Nha Trang, bao gồm: tổ chức kiểm tra năng lực tiếng Anh đầu vào, xếp lớp, tổ chức đào tạo và đánh giá học phần; các điều kiện được miễn học và thi các học phần tiếng Anh, chuẩn đầu ra.

Điều 2: Chuẩn đầu ra ngoại ngữ

Chuẩn đầu ra ngoại ngữ (tiếng Anh) được quy định cụ thể theo từng khóa và ngành đào tạo theo Phụ lục 1 và 2 của Quy định này.

Điều 3: Đánh giá năng lực tiếng Anh đầu vào và xếp lớp

Căn cứ kết quả kiểm tra năng lực tiếng Anh đầu vào, Nhà trường xếp lớp học theo các cấp độ được xác định chi tiết tại Bảng 1 dưới đây.

Bảng 1: Lớp học Tiếng Anh cho sinh viên không chuyên

Khung NLNN quốc gia	NLTA ĐHNT	Tên học phần/lớp	Số tiết	Ghi chú
Bậc 1	A1	Tiếng Anh A1	60	Học phần điều kiện (HPĐK)
Bậc 2	A2.1	Tiếng Anh A2.1	60	- HPĐK cho Nhóm ngành 1 - Học phần bắt buộc (HPBB) cho Nhóm ngành 2
	A2.2	Tiếng Anh A2.2	60	
Bậc 3	B1.1	Tiếng Anh B1.1	60	- HPBB cho Nhóm ngành 1 - Học phần nhiệm ý (HPNY) cho Nhóm ngành 2
	B1.2	Tiếng Anh B1.2	60	

Ghi chú: Các ngành cụ thể trong Nhóm ngành 1, 2 được quy định tại Phụ lục 2

Điều 4: Thời lượng phân bổ chương trình dạy – học tiếng Anh

1. Học phần bắt buộc

Sinh viên không chuyên ngữ trình độ đại học và cao đẳng từ khóa tuyển sinh năm 2015 (K57) trở đi của Trường Đại học Nha Trang qui định bắt buộc tích lũy đủ 08 tín chỉ tiếng Anh, gồm 02 học phần, cụ thể:

- **Nhóm ngành 1:** học Học phần tiếng Anh B1.1 và B1.2
- **Nhóm ngành 2:** học Học phần tiếng Anh A2.1 và A2.2

2. Học phần điều kiện

Học phần điều kiện là học phần không nằm trong chương trình chính khoá, sinh viên phải tích lũy đạt đủ điều kiện học các học phần bắt buộc.

3. Học phần nhiệm ý

Học phần nhiệm ý là học phần sinh viên được lựa chọn học để nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh, điểm đánh giá học phần được tính vào trung bình chung tích lũy. Nhà trường có chế độ khuyến khích sinh viên đăng ký học các học phần này.



Điều 5: Kiểm tra đánh giá

Nhà trường có cơ chế đặc thù trong đào tạo Tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ thông qua phương pháp giảng dạy thực hành giao tiếp kết hợp với đào tạo trực tuyến và thông qua các hoạt động ngoại khoá, câu lạc bộ tiếng Anh...

* Kiểm tra đánh giá học phần được quy định tại Bảng 2 dưới đây:

Bảng 2: Tiêu chí đánh giá học phần Tiếng Anh

TT	Học phần Tiếng Anh	Tiêu chí đánh giá đạt học phần
1	A1	<ul style="list-style-type: none"> Đánh giá quá trình chiếm tỷ trọng 50% Thi kết thúc học phần chiếm tỷ trọng 50%
2	A2.1	<ul style="list-style-type: none"> Đánh giá quá trình chiếm tỷ trọng 50% Thi kết thúc học phần chiếm tỷ trọng 50%
3	A2.2	<ul style="list-style-type: none"> Đánh giá quá trình chiếm tỷ trọng 50% Thi kết thúc học phần chiếm tỷ trọng 50% Điểm thi kết thúc học phần phải đạt từ 5 trở lên
4	B1.1	<ul style="list-style-type: none"> Đánh giá quá trình chiếm tỷ trọng 50% Thi kết thúc học phần chiếm tỷ trọng 50%
5	B1.2	<ul style="list-style-type: none"> Đánh giá quá trình chiếm tỷ trọng 50% Thi kết thúc học phần chiếm tỷ trọng 50% Điểm thi kết thúc học phần phải đạt từ 5 điểm trở lên

Điều 6: Miễn học và miễn thi học phần

Sinh viên được miễn kiểm tra đầu vào, miễn học – thi các học phần và được quy thành **10 điểm** khi có các chứng chỉ quốc tế (còn hiệu lực) với số điểm tương ứng chi tiết tại Bảng 3 dưới đây.

Bảng 3: Bảng qui đổi chuẩn ngoại ngữ tương đương

TT	Học phần tiếng Anh	Các chứng chỉ quốc tế				
		Cambridge Test	IELTS	TOEFL (PBT)	TOEFL (iBT)	TOEIC
1	B1.1	PET (60-79)	4.0	437	31	380-440
2	B1.2	PET (80-89)	4.0-4.5	477	32-34	445-505
3	A2.1	KET (69-79)	3.0	397		250-310
4	A2.2	KET (80-100)	3.5	410		315-375

Điều 7: Đối với sinh viên Khóa 56 trở về trước

1. Thực hiện theo Thông báo số 508/TB-ĐHNT, ngày 10/10/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc kiểm tra năng lực sử dụng và tổ chức đào tạo tiếng Anh cho sinh viên khóa 55 và 56. Theo đó, sinh viên phải tích lũy 02 học phần Tiếng Anh 1 và Tiếng Anh 2 (07 tín chỉ), điểm học phần được tính vào trung bình chung tích lũy.



Đồng thời qui định chuẩn đầu ra tiếng Anh cho sinh viên được thể hiện chi tiết tại Phụ lục 3. Ngoài ra, sinh viên có thêm cơ hội lựa chọn cách thức như ở Mục 2 Điều này để hoàn thành chuẩn đầu ra tiếng Anh thay thế cho các quy định trong Phụ lục.

2. Đối với sinh viên Khóa 55 và 56

a. Sinh viên đã học và đạt cả hai học phần tiếng Anh 1 (TA1) và Tiếng Anh 2 (TA2) trong chương trình đào tạo thì được phép học và thi các học phần sau để hoàn thành chuẩn đầu ra, cụ thể:

- **Học phần B1.2:** Đối với các ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Kinh doanh thương mại và Quản trị kinh doanh trình độ đại học.

- **Học phần A2.2:** Đối với các ngành trình độ ĐH còn lại và Cao đẳng.

Kết quả sẽ được tính hoàn thành chuẩn đầu ra ngoại ngữ và cải thiện điểm cho học phần TA2.

b. Đối với sinh viên chưa đạt cả 2 học phần TA1 và TA2 hoặc chỉ đạt một trong hai học phần này thì có thể học thay thế bằng các học phần như Bảng 4 dưới đây. Kết quả đánh giá học phần sẽ được xét chuẩn đầu ra ngoại ngữ và đồng thời tính vào điểm Trung bình chung học kỳ và Trung bình chung tích lũy khóa học.

Bảng 4: Học phần thay thế cho mỗi nhóm ngành và trình độ đào tạo

TT	Trình độ và ngành đào tạo	Tiếng Anh 1	Tiếng Anh 2
1	Đại học các ngành: - Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, - Quản trị kinh doanh, - Kinh doanh thương mại	B1.1	B1.2
2	Đại học các ngành còn lại và Cao đẳng	A2.1	A2.2

3. Đối với sinh viên khóa 54 trở về trước

Cho phép sinh viên trình độ đại học và cao đẳng ở tất cả các ngành đào tạo đăng ký học và thi kết thúc học phần A2.2 để hoàn thiện chuẩn đầu ra ngoại ngữ.



(Ban hành kèm theo Quyết định số: 74/QĐ-ĐHNT, ngày 06 tháng 02 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

Phụ lục 1: Bảng quy đổi giữa các hình thức thi khác nhau

NLNN Quốc gia	CEFR	NLNN ĐHNT	Cambridge Test	IELTS	TOEFL (PBT)	TOEFL (iBT)	TOEIC
Bậc 3	B1	B1.2	PET (80 - 89)	4.0 - 4.5	477	32 - 34	445 - 505
Bậc 2	A2	A2.2	KET (80 - 100)	3.5	410		315 - 375

Phụ lục 2: Chuẩn đầu ra Tiếng Anh trình độ đại học và cao đẳng từ K57 trở đi

Các ngành đào tạo trình độ đại học và cao đẳng từ K57 phải đạt chuẩn đầu ra tối thiểu là A2 (theo chuẩn CEFR). Lộ trình cho sinh viên các ngành đạt chuẩn đầu ra tối thiểu là B1 (theo chuẩn CEFR).

Quy định nhóm ngành như sau:

Nhóm ngành 1 là các ngành thực hiện theo lộ trình phải đạt trình độ B1 được đánh dấu “x” tại bảng dưới đây.

Nhóm ngành 2 là các ngành đào tạo cần đạt trình độ tối thiểu A2 theo từng năm (khóa học) của các ngành còn lại.

TT	Tên ngành đào tạo	Chuẩn đầu ra tiếng Anh đạt trình độ B1 từ					
		2015 (K57)	2016 (K58)	2017 (K59)	2018 (K60)	2019 (K61)	2020 (K62)
I	Trình độ đại học						
1	Quản trị kinh doanh	x	x	x	x	x	x
2	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	x	x	x	x	x	x
3	Kinh doanh thương mại	x	x	x	x	x	x
4	Marketing		x	x	x	x	x
5	Quản trị khách sạn		x	x	x	x	x
6	Tài chính ngân hàng			x	x	x	x
7	Kế toán			x	x	x	x
8	Hệ thống thông tin quản lý			x	x	x	x
9	Công nghệ sinh học			x	x	x	x
10	Công nghệ thông tin			x	x	x	x
11	Công nghệ kỹ thuật môi trường			x	x	x	x
12	Công nghệ thực phẩm				x	x	x
13	Công nghệ sau thu hoạch				x	x	x
14	Công nghệ chế biến thủy sản				x	x	x
15	Công nghệ kỹ thuật hóa học				x	x	x
16	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử					x	x
17	Công nghệ chế tạo máy					x	x
18	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử					x	x
19	Công nghệ kỹ thuật xây dựng						x
20	Công nghệ kỹ thuật cơ khí						x



TT	Tên ngành đào tạo	Chuẩn đầu ra tiếng Anh đạt trình độ B1 từ					
		2015 (K57)	2016 (K58)	2017 (K59)	2018 (K60)	2019 (K61)	2020 (K62)
21	Công nghệ kỹ thuật ô tô						x
22	Công nghệ kỹ thuật nhiệt						x
23	Kỹ thuật tàu thủy						x
24	Khoa học hàng hải						x
25	Nuôi trồng thủy sản						x
26	Bệnh học thủy sản						x
27	Quản lý nguồn lợi thủy sản						x
28	Kỹ thuật khai thác thủy sản						x
29	Quản lý nguồn lợi thủy sản						x
30	Kinh tế nông nghiệp						x
31	Quản lý thủy sản						x
32	Các ngành dự kiến mở trong tương lai						x
II	Tất cả các ngành trình độ cao đẳng						x

Ghi chú:

- IELTS: International English Language Testing System
- Cambridge ESOL exam, General English Exams
 - KET – Key English Test*
 - PET – Preliminary English Test*
- TOEFL PBT/iBT: Test of English as a Foreign Language Paper Based Test/ Internet – Based Test
- TOEIC: Test of English for International Communication

Phụ lục 3: Chuẩn đầu ra Tiếng Anh cho Khóa 55 và 56

TT	Trình độ và ngành đào tạo	Chứng chỉ				NLNN ĐHNT
		TOEIC	TOEFL (PBT)	TOEFL (iBT)	IELTS	
1	Đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	450	473	50	4.0	B1.2
2	Đại học các ngành: - Kinh doanh thương mại, - Quản trị kinh doanh	400	430	42	3.5	B1.2
3	Đại học các ngành: - Kế toán, - Tài chính – Ngân hàng	400	430	42	3.5	A2.2
4	Đại học các ngành còn lại và cao đẳng	350	420	40	3.0	A2.2
5	Trung cấp chuyên nghiệp	250	375	25	2.0	